SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; 24/10/2024; 08:50:17

UBND TỈNH TÂY NINH **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ** **QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2018/QĐ-HĐQL	*Tây Ninh, ngày 23 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành mức lãi suất cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-HĐQL ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-HĐQL ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh về việc ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 3354/NQ-HĐQL ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh về việc quy định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh tại Tờ trình số 60/TTr-QĐTPT ngày 21 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh *(danh mục đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1049/QĐ-HĐQL ngày 09/5/2023 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh về việc phê duyệt mức lãi suất cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh.

Điều 3. Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

Trúc 162

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Văn Chiến

DANH MỤC
LÃI SUẤT CHO VAY CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỪNG DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số 2018 /QĐ-HĐQL ngày 23 /10/2024 của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh)

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	LÃI SUẤT CHO VAY (%/NĂM)		
		Từ 01 năm đến 05 năm	Từ trên 05 năm đến 10 năm	Từ trên 10 năm
1.	**Lĩnh vực công nghiệp**			
a)	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	5,5	5,8	6,1
b)	Dự án đầu tư công nghiệp, công nghệ cao; công nghiệp phụ trợ (sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử, sản xuất thiết bị điện, cơ khí chế tạo)	5,5	5,8	6,1
c)	Công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp (sản xuất chế biến thực phẩm, xay xát, sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột, các sản phẩm từ cây mía, sản xuất đồ uống)	5,5	5,8	6,1
d)	Sản xuất sản phẩm từ cây cao su	5,5	5,8	6,1
đ)	Sản xuất sản phẩm giấy; chế biến gỗ	5,5	5,8	6,1
e)	Sản xuất phân bón, chế biến thức ăn chăn nuôi	5,5	5,8	6,1
g)	Sản xuất dược phẩm, thiết bị, dụng cụ y tế	5,5	5,8	6,1
h)	Sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ mới và thân thiện với môi trường	5,5	5,8	6,1
i)	Dự án thuộc chương trình khuyến công của tỉnh	5,5	5,8	6,1
2.	**Lĩnh vực năng lượng**			
	Hạ tầng điện: điện năng lượng tái tạo; đầu tư nâng cấp, phát triển lưới truyền tải điện; ngầm hóa hệ thống điện	5,5	5,8	6,1
3.	**Lĩnh vực môi trường**	5,5	5,8	6,1
a)	Dự án cấp nước, thoát nước; thu gom và xử lý nước thải	5,5	5,8	6,1
b)	Dự án xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại, rác thải rắn, khí thải; tái chế phế liệu, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường	5,5	5,8	6,1
4.	**Lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin**	5,5	5,8	6,1

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	LÃI SUẤT CHO VAY (%/NĂM)		
		Từ 01 năm đến 05 năm	Từ trên 05 năm đến 10 năm	Từ trên 10 năm
a)	Hạ tầng viễn thông: Các công trình, dự án viễn thông, đường truyền dẫn, mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông	5,5	5,8	6,1
b)	Sản xuất và cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin, bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm và nội dung thông tin số	5,5	5,8	6,1
5.	**Lĩnh vực giao thông**			
a)	Hạ tầng giao thông đường bộ: công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác	5,5	5,8	6,1
b)	Phương tiện vận tải hành khách đường bộ; phương tiện vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5,5	5,8	6,1
6.	**Lĩnh vực du lịch**	5,5	5,8	6,1
	Đầu tư xây dựng điểm du lịch, khu du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng	5,5	5,8	6,1
7.	**Lĩnh vực giáo dục, y tế**	5,5	5,8	6,1
a)	Đầu tư cho các cơ sở giáo dục	5,5	5,8	6,1
b)	Đầu tư cơ sở y tế chất lượng cao: Trung tâm y tế dự phòng, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng	5,5	5,8	6,1
8.	**Lĩnh vực văn hóa thể thao**			
	Đầu tư xây dựng khu dịch vụ văn hóa thể thao phức hợp	5,5	5,8	6,1
9.	**Lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp**			
a)	Dự án nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển dịch vụ du lịch theo chương trình Ocop	5,5	5,8	6,1
b)	Dự án trồng và chăm sóc rừng	5,5	5,8	6,1
c)	Dự án bảo quản, chế biến nông sản; trang trại chăn nuôi hiện đại theo hướng liên kết chuỗi; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, chế biến	5,5	5,8	6,1
d)	Dự án thuộc Chương trình khuyến nông của tỉnh	5,5	5,8	6,1
10.	**Các lĩnh vực khác**			
a)	Dự án phát triển đô thị, chỉnh trang đô thị	5,5	5,8	6,1

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	LÃI SUẤT CHO VAY (%/NĂM)		
		Từ 01 năm đến 05 năm	**Từ trên 05 năm đến 10 năm**	**Từ trên 10 năm**
b)	Đầu tư xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp và công nhân khu công nghiệp, nhà ở chung cư, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà dưỡng lão; hạ tầng khu dân cư; cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở đào tạo kỹ năng cho người yếu thế	5,5	5,8	6,1
c)	Đầu tư xây dựng chợ, siêu thị	5,5	5,8	6,1
d)	Dự án di dời, sắp xếp lại, hiện đại khu nghĩa trang, hỏa táng	5,5	5,8	6,1
đ)	Trung tâm logistics	5,5	5,8	6,1
11.	**Các công trình, dự án trong điểm của tỉnh theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**	5,5	5,8	6,1